

Bản án số: 78/2021/DS-PT
Ngày: 21/7/2021
V/v: Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 về “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TD bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2021/QĐPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn NC, thị trấn C, huyện YP, tỉnh BN (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1974 và ông Nguyễn Đăng D, sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn ĐS, xã HS, huyện TD, tỉnh BN (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn NC, thị trấn C, huyện Yên P, tỉnh BN (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Đăng D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày: Bà làm nghề bán thịt lợn tại chợ C, huyện YP từ năm 1990, việc bán thịt lợn tại chợ chỉ là buôn bán nhỏ lẻ, không có đăng ký kinh doanh. Từ năm 2012, bà N bán thịt lợn cho vợ chồng bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Đăng D. Ông D là người trực tiếp pha thịt lợn tại quầy thịt lợn nhà bà N, sau đó chuyển thịt lợn đi bán. Cứ vài ngày giữa bà N với vợ chồng bà O lại chốt sổ ghi nợ thanh toán với nhau một lần. Thời gian đầu, vợ chồng bà O thanh toán đầy đủ. Đến năm 2015, vợ chồng bà O có nói với bà N là sẽ giao thịt lợn cho các công ty nên cần mua thịt lợn với số lượng nhiều hơn. Mỗi lần giao dịch, vợ chồng bà O thường trả tiền tạm ứng cho bà, bà ghi vào sổ theo dõi. Có những lúc vợ chồng ông bà O trả tiền tạm ứng mua thịt lợn không ký sổ nhưng bà vẫn ghi đủ số tiền đã trả vào sổ theo dõi. Từ ngày 14/9/2015, vợ chồng bà O tiếp tục mua thịt lợn nhưng không thanh toán đủ cho bà. Bà đã nhiều lần yêu cầu phải thanh toán dứt điểm từng giai đoạn nhưng vợ chồng bà O nói là sẽ thanh toán trả, do đó bà vẫn tin tưởng và tiếp tục bán thịt lợn cho vợ chồng bà O.

Tuy nhiên, đến ngày 03/9/2017, vợ chồng bà O không mua thịt lợn của bà nữa. Bà đến gia đình bà O, ông D để chốt nợ, bà và bà O đã chốt nợ đến tháng 6 dư năm 2017, bà O đã ký xác nhận số nợ với bà là 1.160.000.000 đồng. Đến ngày 12/10/2017, vợ chồng bà O trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, bà N đã nhiều lần đến nhà vợ chồng bà O để yêu cầu thanh toán số tiền 1.140.000.000 đồng nhưng vợ chồng bà O đều trốn tránh, không gặp bà.

Nay bà N xác định vợ chồng ông bà O còn nợ bà số tiền mua thịt lợn là 1.140.000.000 đồng. Bà N yêu cầu vợ chồng bà O, ông D phải trả cho bà số tiền còn nợ 1.140.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Đăng D trình bày: Từ năm 1994, vợ chồng ông bà có mỏ, bán thịt lợn để phát triển kinh tế gia đình. Việc gia đình buôn bán thịt lợn chỉ là buôn bán nhỏ lẻ, không có đăng ký kinh doanh. Đến năm 2010, vợ chồng ông bà không tự mổ lợn nữa mà đi mua thịt lợn ở nơi khác về bán. Bà O và ông D đều thừa nhận giữa bà O và bà N có mua bán thịt lợn từ khoảng năm 2013 đến năm 2017 nhưng việc giao dịch mua bán, thanh toán tiền đều do bà O phụ trách, ông D không liên quan, nhiệm vụ của ông D chỉ là đến nhà bà N lấy thịt lợn mang lên xe ô tô và chở đi bán, do đó ông D không liên quan gì đến vụ án này. Khi mua bán các bên đều có ghi chép sổ sách riêng để đối chiếu với nhau. Bà O ngoài trả tiền trực tiếp cho bà N, nhiều khi còn trả tiền cho bà N thông qua chồng và con rể của bà N.

Sau khi bà O không mua thịt lợn của bà N nữa thì bà N đã xuống nhà vợ chồng ông bà để đối chiếu công nợ nhưng sổ ghi nợ của các bên không khớp

nhau. Bà khẳng định đến nay không còn nợ bà N tiền thịt lợn nữa, bà đã tạm ứng đủ số tiền mua thịt lợn cho bà N. Toàn bộ số tiền bán thịt lợn một phần thì trả cho bà N, phần còn lại dùng chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình vợ chồng bà. Bà O đã được xem sổ ghi chép công nợ và đã chốt nợ với bà N vào tháng 6 dư năm 2017 do bà N cung cấp. Bà O khẳng định chữ ký tại mục chốt nợ này đúng là chữ ký của bà O và không có ý kiến gì về chữ ký của mình. Đồng thời, bà O đã giao nộp 02 quyển sổ mà bà O tự ghi chép trong quá trình mua bán thịt lợn với bà N.

Bà, ông cho rằng việc mua bán thịt lợn là do bà với bà N thực hiện, bà O mua thịt và trả tiền bà N không liên quan gì đến ông D, ông D chỉ là người đưa đón bà O và mang thịt đi bán. Bà O, ông D xác định đã thanh toán hết số tiền mua thịt lợn cho bà N. Đối với yêu cầu của bà N đòi vợ chồng bà phải trả số tiền còn nợ là 1.140.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi suất thì bà O, ông D không chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Việc mua bán thịt lợn giữa bà N với vợ chồng bà O, ông D số lượng bao nhiêu ông không biết. Ông chưa bao giờ nhận tiền trả nợ của bà O cho bà N.

Với nội dung trên, bản án dân sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TD đã áp dụng các Điều 26, 35, 39, 97, 98, 143, 144, 147, 235, 264, 267, 271, 273, 203, 208, 209, 210, 220 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 120, 166, 430, 431 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Đăng D phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị N số tiền nợ là 1.140.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên đương sự phải chịu về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/02/2021, bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Đăng D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Trần Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà O và ông D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Đăng D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Đăng D nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Các bên đương sự đều thừa nhận, từ năm 2012, giữa bà N và vợ chồng bà O, ông D bắt đầu giao dịch mua bán thịt lợn với nhau. Quá trình mua bán thịt lợn, hai bên đều lập sổ ghi chép để theo dõi. Tuy nhiên, đến ngày 03/9/2017, vợ chồng bà O, ông D không mua thịt lợn của bà N nữa. Đến nay, bà N cho rằng vợ chồng bà O, ông D còn nợ bà số tiền 1.140.000.000 đồng. Phía bị đơn là bà O cho rằng đã thanh toán hết số tiền mua thịt lợn cho bà N, không còn nợ số tiền như bà N trình bày; còn ông D cho rằng ông không liên quan gì đến việc mua bán thịt lợn giữa bà N và bà O nên không chấp nhận yêu cầu của bà N. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Đăng D phải có nghĩa vụ trả bà Trần Thị N số tiền 1.140.000.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Đăng D kháng cáo bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của bà O và ông D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo sổ ghi chép của bà N thể hiện quá trình mua bán thịt lợn, bà N đều ghi cụ thể ngày bà O mua thịt lợn và các lần bà O trả tiền bà N. Đối với các lần bà O trả tiền, bà N đều ghi rõ nội dung số tiền còn nợ là bao nhiêu. Ngoài ra, khi vợ chồng bà O, ông D không mua thịt lợn của bà N nữa thì đến tháng 6 dư năm 2017, bà N có xuống gia đình vợ chồng bà O, ông D để chốt nợ. Sau khi chốt nợ, bà O đã ký xác nhận số nợ 1.160.000.000 đồng vào sổ theo dõi của bà N. Đến ngày 12/10/2017, bà O đã trả cho bà N 20.000.000 đồng, bà N sau khi nhận tiền có ghi tiếp vào sổ theo dõi của mình với nội dung “Ngày 12/10/2017, O D trả 20.000.000 đồng” nhưng không có chữ ký của bà O, ông D. Tại phần ký xác nhận nợ số tiền 1.160.000.000 đồng, bà O thừa nhận đây là chữ ký của bà nhưng không phải để xác nhận nợ mà để xác nhận nội dung đã trả nợ bên dưới. Như vậy, tính đến tháng 6 dư năm 2017, giữa bà N và vợ chồng bà O, ông D đã không còn mua bán thịt lợn với nhau nhưng ngày 12/10/2017 bà O vẫn trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà N và không thắc mắc gì về việc ký nhận nợ số tiền khoản nợ 1.160.000.000 đồng.

Phía bà O, ông D cho rằng đã thanh toán đầy đủ số tiền mua thịt lợn cho bà N, đến nay không còn nợ tiền bà N nữa. Đối với 02 sổ ghi chép theo dõi việc mua bán, thanh toán tiền giữa bà O, ông D với bà N do bà O cung cấp. Hội đồng xét xử thấy: Toàn bộ nội dung trong 02 sổ ghi chép này đều do bà O tự

viết, không có căn cứ gì chứng minh việc bà O đã trả hết tiền mua thịt lợn cho bà N. Bà O cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà O đã trả tiền cho bà N thông qua ông T (chồng bà N) và anh B (con rể bà N). Đồng thời, ông T và anh B đều khẳng định không nhận tiền và không liên quan đến việc mua bán thịt lợn giữa bà N với vợ chồng bà O, ông D. Do đó, việc bà O, ông D cho rằng đã trả hết tiền mua thịt lợn cho bà N là không có căn cứ.

Đối với việc ông D cho rằng ông không liên quan đến việc mua bán thịt lợn giữa bà N và bà O nên không liên quan đến vụ án là không phù hợp. Bởi lẽ, chính ông D cũng thừa nhận việc vợ chồng ông có mua thịt lợn của bà N, bản thân ông là người chuyển thịt lợn lên ô tô và chở thịt lợn mang đi HN bán. Số tiền có được từ việc bán thịt lợn bà O thừa nhận dùng để chi tiêu cho sinh hoạt chung của gia đình. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên xử bà O và ông D phải có nghĩa vụ thanh toán trả bà N số tiền còn nợ là 1.140.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà O và ông D không đưa được ra căn cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét, do đó kháng cáo của bà O, ông D không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bà O, ông D chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 97, 98, 143, 144, 147, 235, 264, 267, 271, 273, 203, 208, 209, 210, 220 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 120, 166, 430, 431 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Đăng D phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N số tiền là 1.140.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Đăng D phải chịu 46.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Trần Thị N 23.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000313 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TD.

Bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Đăng D mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà O, ông D mỗi người đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000381 và 0000383 cùng ngày 22/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TD.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Bình Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Văn Tính

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Bình Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Văn Tính